

Đối chiếu về "Bát Kính Pháp" trong Luật Tạng

ISSN: 2734-9195 12:20 12/02/2023

Th.S. TKN. Thích Nữ Liên Liên Gò Vấp - Tp.HCM Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2023

Đặt vấn đề: Trong Luật tạng, không riêng gì Luật tạng Pali (LTP) hay Tứ phần luật (TPL), mà hầu hết bốn bộ luật còn lại của Phật giáo đều đề cập đến Bát kính pháp. Đây được xem là điều kiện cần và đủ để nữ giới được vào cánh cửa giải thoát và từ đó, Ni đoàn được thành lập. "Bát kính pháp" (八敬法) trong tiếng Pali là Attha garudhamma, có nghĩa "tám pháp trọng yếu". Trong tiếng Hán, nó được dùng bằng nhiều từ khác nhau, như là bát kính giới (八敬戒), bát kính (八敬), bát trọng pháp (八重法), bát tôn trọng pháp (八尊重法), bát tôn sư pháp (八尊師法), bát bất khả quá pháp (八不可過法), bát bất khả vi phạm pháp (八不可犯法), bát bất khả vi phạm pháp (八不可犯法), là tám pháp được định ra cho vị Tỳ kheo ni phải cung kính, tôn trọng vị Tỳ kheo. Tám điều này có thể được xem là những điều giới đầu tiên mà đức Thế Tôn đã đặt ra dành cho chư Ni. **Từ khóa:** Bát kính pháp, tỳ kheo ni, ni đoàn...

1. Bát kính pháp là tiền đề thành lập Ni đoàn

Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, vị trí người phụ nữ được chế định rất thấp kém, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội đều không được ghi nhận, cũng chẳng được tham gia các hoạt động cộng đồng, nghi lễ tôn giáo. Đặc biệt còn có quan điểm cho rằng nữ giới là nguồn gốc của tội lỗi và các ác nghiệp.

Kỳ-na giáo cho rằng: "Người phụ nữ là ngọn đèn chiếu sáng con đường dẫn đến cánh cửa địa ngục."(1) Còn theo tục lệ Sati, người vợ phải bị thiêu sống để đi theo người chồng đã chết: "Phụ nữ, khi còn bé phải theo cha, còn trẻ phải theo chồng, chồng chết phải theo con. Phụ nữ không được phép sống độc lập."(2) Như vậy, vào thế kỷ thứ VI (TCN) ở Ấn Độ, những quan niệm tiêu cực về phụ nữ đã tồn tại và ăn sâu vào tôn giáo, tư tưởng của mọi người. Do đó, không phải đức Phật không cho phép người nữ được xuất gia, gia nhập tăng đoàn mà chính

xã hội và con người Ấn Độ lúc bấy giờ là cản trở lớn.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc So Thang 1.2023 Doi Chieu Bat Kinh Phap Trong Luat T

Vì thế, sau bao phen cầu xin tha thiết của Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (摩訶波闍波提; Mahāpajāpatī), đức Phật vẫn chưa đồng ý cho phép nữ lưu được xuất gia sống đời Phạm hạnh theo hội chúng Tăng già. Mỗi khi Di mẫu cùng các nữ lưu dòng họ Thích tự phải bỏ tóc mình, vận trang phục thô sơ, vượt hành trình dài đến đánh lễ đức Phật, tiếp tục cầu xin Ngài cho nữ giới được gia nhập tăng đoàn, cùng với lời thưa thỉnh của Tôn giả A Nan (阿難; Ānanda), đức Thế Tôn đã đưa ra tám quy tắc cho Di mẫu nói riêng, nữ lưu nói chung, nếu đồng ý thì được phép xuất gia học Phật. Tám quy tắc ấy chính là tám điều học đầu tiên dành cho Ni giới, là điều kiện, là nền tảng cơ bản để nữ lưu bước chân vào cánh cửa phạm hạnh, sống đời giải thoát.

Chúng ta có thể hiểu, đức Phật đặt ra điều kiện Ni đoàn phải thọ trì thêm Bát kính pháp là để thích nghi với điều kiện văn hóa và phản ứng của xã hội Ấn Độ, cũng như trong tăng đoàn thời bấy giờ. Có thể khẳng định rằng Bát kính pháp là điều kiện tiên quyết để đức Phật chấp nhận cho nữ giới xuất gia.

Không có Bát kính pháp thì chắc chắn việc người nữ được xuất gia là điều không thể, cũng không có sự thành lập Ni đoàn, giáo đoàn của đức Phật cũng không hội đủ bốn bộ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Trong đó, Tỳ kheo ni ấy không hề phân biệt giai cấp, dòng họ... như Kinh Tiểu Duyên có ghi: “Này Bà Tất Tra! Người nên biết hiện nay chúng đệ tử của ta, dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau, xuất gia tu hành ở trong giáo pháp ta.

Nếu có gặp ai hỏi: “Người thuộc dòng nào?” thì nên trả lời họ: ‘Tôi là Sa môn, con dòng họ Thích.’”(3)

Trong tám kính pháp, điều đầu tiên có thể được xem là thuộc về tư tưởng giáo lý. Bảy điều còn lại đều thuộc về cách thức tổ chức Tăng già, kể cả việc ngăn cấm Tỳ kheo ni chỉ trích Tỳ kheo và cho phép Tỳ kheo có quyền chỉ trích Tỳ kheo ni. Tuy nhiên, chúng đồng thời cũng là những yếu tố phụ trợ cho điều thứ nhất. Nội dung tám kính pháp như thế không những cần thiết cho Ni giới mà còn cho bất kỳ ai đi theo con đường của đức Phật.

Ngày nay, Ni giới thực hành Bát kính pháp cũng không hề mất đi quyền lợi về mặt tổ chức của Giáo hội và cũng không ảnh hưởng đến sự cung kính cúng dường của phật tử đối với các vị Tỳ kheo ni. Bát kính pháp không những giúp cho người nữ trừ diệt sự kiêu ngạo, cũng là hàng rào ngăn ngừa tham ái liên quan đến Phạm hạnh của tăng, ni; mà Bát kính pháp còn là điều kiện cần và đủ

để Ni đoàn thành lập, nữ giới được xuất gia. Theo lẽ đó nên Ni giới luôn tôn trọng và lấy Bát kinh pháp thực hành là trên hết.

2. Bát kinh pháp giữa Thượng Tọa bộ và Pháp Tạng bộ

Bất cứ một bộ luật nào cũng đều đề cập đến Bát kinh pháp. Ở đây, giữa Thượng Tọa bộ (Luật tạng Pāli) và Pháp Tạng bộ (Tứ phần luật), xét trên nội dung tám điều học này, ở cả hai hệ thống giới luật tương đối như nhau. Nhưng giữa hai bộ luật vẫn còn vài điểm dị biệt về duyên khởi, cũng như thứ tự tám kinh pháp.

BÁT KINH PHÁP

Tương đồng

- Có cùng tám điều học về kinh pháp.
- Địa điểm: Với TPL, đức Phật ngụ tại Ni Câu Luật Viên (尼拘律園) ở Thích Sí Sấu (釋翅瘦)(4).

Theo LTP, bậc Thiện Thệ ở tu viện Nigrodha, trong lãnh thổ của dòng Sakya, thành Kapilavatthu, giữa những người họ Thích ca (Sakkesu)(5).

Nhận xét: - Theo hai bộ luật, địa điểm đức Phật cư ngụ là thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu), chỉ khác nhau do phiên âm từ các bản dịch. Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó, bản dịch chữ Hán hơi khác với bản Pāli, vì “Thích Sí Sấu” là từ phiên âm của Sakkesu, vốn có nghĩa là “Người họ Thích ca”, không phải địa điểm.

- Đầu tiên, Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề (摩訶波闍波提; Mahāpajāpatī) cầu xin đức Phật cho phép được xuất gia nhưng Ngài không chấp nhận.
- Do Tôn giả A Nan (阿難; Ānanda) cầu xin đức Phật chấp thuận cho Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề nói riêng, nữ giới nói chung được phép xuất gia.
- Là điều kiện tiên quyết để bậc Thiện Thệ đồng ý cho nữ lưu được phép xuất gia tu tập, sống đời Phạm hạnh trong giáo hội Tăng già.

Dị biệt

Luật tạng Pāli

- Mahāpajāpatī Gotamī cùng với nhiều người nữ dòng Sakya(6) đến đảnh lễ đức Thế Tôn và xin cho người nữ được xuất gia. (Không nói rõ số lượng người nữ đi

cùng).

- Khi ở thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu): Mahāpajāpatī Gotamī cầu xin đức Phật ba lần. - Sau khi đã đồng ý việc người nữ xuất gia, đức Phật mới nói: “Trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia, rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.”(7)

Tứ phần luật

- Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng năm trăm người nữ Xá Di (舍夷女)(8), đến chỗ đức Thế Tôn cầu xin được xuất gia.

- Ma Ha Ba Xà Ba Đề cầu xin đức Thế Tôn một lần.

- Trước khi cho người nữ xuất gia, đức Phật đã nói: “Nếu người nữ xuất gia hành đạo trong giáo pháp của Phật thì sẽ khiến cho pháp Phật không lâu dài.”(9)

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc So Thang 1.2023 Doi Chieu Bat Kinh Phap Trong Luat T

Nhận xét

Như vậy, giữa hai hệ thống giới luật có sự khác biệt rõ nét về số lần Di mẫu cầu xin đức Thế Tôn cho phép người nữ được xuất gia, và thời điểm mà đức Phật nói về thọ mạng của chính pháp khi cho nữ lưu sống đời Phạm hạnh cũng khác nhau (TPL thì Ngài nói trước khi người nữ được đồng ý xuất gia, LTP thì nói sau khi người nữ xuất gia). Bên cạnh đó, về số thứ tự tám kinh pháp của hai bộ luật cũng không giống nhau. Trong tám điều học, có hai điều giống nhau về số thứ tự, đó là điều 1 (Tỳ kheo ni dù trăm tuổi hạ cũng phải lễ bái chư Tăng) và điều 5 (Nếu Tỳ kheo ni phạm tội phải đến trước hai bộ Tăng sám hối và hành Ma Na Đỏa).

Sáu điều còn lại không tương đồng về thứ tự. Cụ thể như sau:

* Điều 2 trong TPL là điều 7 trong LTP: Tỳ kheo ni không được khiển trách hay nặng lời đối với một vị Tỳ kheo trong bất kỳ trường hợp nào.

* Điều 3 trong TPL là điều 8 trong LTP: Tỳ kheo ni không được ngăn Tỳ kheo xét tội, thuyết giới, tụng kinh hay nói lỗi của Tỳ kheo. Trái lại, Tỳ kheo được quyền cử tội Tỳ kheo ni.

* Điều 4 trong TPL là điều 6 trong LTP: Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, muốn lên Tỳ kheo ni phải đến Tỳ kheo xin thọ đại giới.(10)

* Điều 6 trong TPL là điều 3 trong LTP: Tỳ kheo ni phải đến chư Tăng cầu giáo thọ mỗi kỳ nửa tháng.

* Điều 7 trong TPL là điều 2 trong LTP: Tỳ kheo ni không được an cư ở nơi không có Tỳ kheo.(11)

* Điều 8 trong TPL là điều 4 trong LTP: Sau mùa an cư, Tỳ kheo ni phải đến Tỳ kheo hành lễ Tự tứ (Pavāranā): Thấy, nghe và nghĩ.

Với tám kinh pháp này, đức Phật đã đồng ý cho người nữ gia nhập Tăng đoàn. Di mẫu và nữ giới dòng Thích-ca hoan hỷ chấp hành tám pháp trên. Từ đó, Ni đoàn được thành lập.

Hay nói cách khác, với trí tuệ siêu việt, đức Thế Tôn có thể thấy những hiểm họa và những khuyết điểm không thể tránh trong việc điều hành song song Tăng-đoàn và Ni đoàn cùng một lúc. Do đó, Ngài ban hành tám điều quy định cho Giáo hội Tỳ kheo ni nhằm giữ gìn và bảo vệ tương lai cho cả hai Giáo hội. Tám điều này được gọi là Bát kinh pháp (BKP), tám phép tôn kính của Tỳ kheo ni đối với Tỳ kheo.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, khi nhận thấy nguyện vọng tha thiết, thiêng liêng của nữ giới, đức Phật lại một lần nữa dùng phương tiện, khéo léo đặt ra BKP như một sợi dây cột người nữ trong giới luật có phần nghiêm khắc hơn so với Tỳ kheo. Có thể nói, đây là giải pháp khá tinh tế, nhằm không gây sự chống đối của xã hội đối với Tăng già. Đồng thời có thể nói, trong các lần từ chối của đức Phật trước ý định xuất gia của người nữ, nhằm thử thách tâm ý từ phía nữ giới trong bối cảnh bấy giờ, bởi sự thực hành tu tập trên con đường giải thoát đòi hỏi sự dũng mãnh của niềm tin và nghị lực vượt khó khăn là không nhỏ. Những quy định trong BKP nhằm ngăn ngừa và dẹp tan những nếp nghĩ về giai cấp, cậy quyền hay kiêu mạn của các vị nữ giới trong dòng tộc Thích-ca. Ngoài ra, tám điều này cũng giúp các vị Tỳ kheo giai cấp thấp không bị mặc cảm tự ti và sức ép từ nguồn gốc xã hội.

Th.S. TKN. Thích Nữ Liên Liên Gò Vấp – Tp.HCM Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2023 ***

* Từ viết tắt: - LTP: Luật tạng Pali - TPL: Tứ phần luật - BKP: Bát kính pháp - tr.: trang

CHÚ THÍCH: (1) Ấn Độ Phật giáo sử luận, Viên Trí, Nxb: Phương Đông, 2009, tr.133-134. (2) Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam, Thích Giác Dũng, Nxb: Tôn giáo, 2004, tr.34. (3) Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trường-a-hàm, kinh Tiểu Duyên, Thích Hạnh Bình, Nxb: Hồng Đức, 2018, tr.113. (4) Luật Tứ phần, tập 3,

HT. Thích Đồng Minh, Nxb: Phương Đông, 2013, tr. 1767 (5) Tiểu phẩm, tập 2, Indacanda dịch, Nxb: Tôn giáo, 2007, tr. 341. (6) Tiểu phẩm, tập 2, tr. 342 (7) Tiểu phẩm, tập 2, tr. 347 (8) Chỉ những người con gái họ Thích. (9) Luật Tứ phần, tập 3, tr. 1767 (10) Với nội dung học giới này, đức Thế Tôn chủ ý hướng đến người nữ muốn xuất gia sống đời thanh tịnh thì phải theo học pháp trong hai năm, có thể là để muốn người nữ tập quen dần với cuộc sống của Tỳ kheo ni thật sự trước khi thọ giới, cũng là muốn xác định xem người nữ ấy có mang thai trước khi vào xuất gia hay không. Cùng với nội dung này, ở điều giới dành người nữ Thức-xoa-ma-na thì đối tượng là người nữ Thức-xoa-ma-na, chứ không hướng đến tất cả người nữ như điều BKP thứ 4. Tuy nhiên, dù là đối tượng nào đi nữa thì nội dung quy định người nữ phải học pháp hai năm trước khi thọ giới Tỳ kheo ni đã được đức Thế Tôn nói rõ ràng khi cho người nữ xuất gia, chứ không phải mãi đến sau này có cô Ni xuất gia mang thai rồi Ngài mới chế ra điều luật. (11) LTP: Tỳ kheo ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳ-kheo; TPL: Tỳ kheo ni không được hạ an cư chỗ không có Tỳ-kheo. Xem Tiểu phẩm, tập 2, tr. 344 và Luật Tứ phần, tập 3, tr. 1771

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Luật Tứ phần, tập 3, HT. Thích Đồng Minh, Nxb: Phương Đông, 2013. 2. Tiểu phẩm, tập 2, Indacanda dịch, Nxb: Tôn giáo, 2007. 3. Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trường-a-hàm, kinh Tiểu Duyên, Thích Hạnh Bình, Nxb: Hồng Đức, 2018. 4. Ấn Độ Phật giáo sử luận, Viên Trí, Nxb: Phương Đông, 2009. 5. Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam, Thích Giác Dũng, Nxb: Tôn giáo, 2004.